

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 10

CHƯƠNG II: GIẢI NGHĨA

TRONG PHẦN 6 CỦA CHƯƠNG II

(chánh truyện có mười bảy vị, phụ có bảy vị)

- 1- Truyện ngài Thích Tĩnh Tung trụ tại đạo tràng Sùng Thánh ở Bành Thành, đời Tùy
- 2- Truyện ngài Thích Tĩnh Huyền trụ tại đạo Tràng Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Minh Tắc)
- 3- Truyện ngài Thích Trí Nhuận ở Tương Dương, đời Tùy
- 4- Truyện ngài Thích Trí Tụ ở núi Hổ Khâu thuộc quận Ngô, đời Tùy.
- 5- Truyện ngài Thích Tuệ Khoáng trụ Nhiếp Sơn ở Đơn Dương, đời Tùy.
- 6- Truyện ngài Thích Trí Lâm trụ tại Đạo tràng Nhân Hiếu ở Đơn Dương đời Tùy
- 7- Truyện ngài Thích Tịnh Nguyên trụ tại đạo tràng Bảo Sát ở Tây Kinh, đời Tùy.
- 8- Truyện ngài Thích Trí Ngưng trụ tại đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Linh Giác, Đạo Trúc)
- 9- Truyện ngài Thích Pháp Ngạn trụ tại Đạo tràng Chân Tịch ở Tây Kinh, đời Tùy
- 10- Truyện ngài Thích Pháp Tổng trụ tại Đạo tràng Hải Giác ở Tây Kinh, đời Tùy
- 11- Truyện ngài Thích Tăng Đàm trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Trọng)
- 12- Truyện ngài Thích Đàm Xán trụ tại Đạo tràng Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.
- 13- Truyện ngài Thích Pháp Tán trụ tại Đạo tràng Thắng Quang ở Tây Kinh, đời Tùy.

14- Truyện ngài Thích Bảo Nho trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh, đời Tùy

15- Truyện ngài Thích Tuệ Tối trụ tại Đạo tràng Quang Minh ở Tây Kinh, đời Tùy

16- Truyện ngài Thích Tăng Lãng trụ tại Đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

17- Truyện ngài Thích Tuệ Sướng trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh đời Tùy (Tăng Ôn)

1- Truyện ngài Thích Tĩnh Tung trụ tại Đạo tràng Sùng Thánh ở Bành Thành:

Thích Tĩnh Tung, họ Trương, người ở xứ Cố An thuộc Quận Trác. Thờ bé, Sư đã có tâm trình thuần cứng rắn chẳng đồng với các đứa trẻ khác. Gần với tục trần nhưng mong được tu đạo

Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia. Có bạn đồng học là ngài Tĩnh Dung. Sớm thấu đạt kinh luận, thông cả Đại tiểu thừa, rất chăm nghiên cứu Tạng tâm. Thường vì Phật tông sâu xa, khúc lưu uỷ thị, Sư có thần khí tuấn vượt, thông ngộ thiên cơ, tùy xem nghĩa môn lại đào luyện sơ qua tự đem điều mà tâm suy tính không lường biết được, để lại hỏi ngài Tĩnh Dung. Ngài Tĩnh Dung không sao đáp được, bèn bảo Sư rằng: “Ông tuổi trẻ chưa học mà triệt ngộ như thế. Hãy đền kinh nghiệp chắc chắn sẽ thành tế khí!” Đến tuổi hai mươi, Sư thọ giới cụ túc, theo hướng Nam, đi đến Chương liên, gặp lúc Phật giáo trùng hưng dưới thời Cao Tề, Khấp Đô Hạ, có đến bốn ngàn ngôi chùa lớn, tăng ni hiện ở gần tám mươi ngàn vị, có hơn hai trăm trường giảng khá lớn, thính chúng thường tham dự có hơn muôn người. Nên các bậc tài giỏi khắp nơi đều quy tụ về Quyết bang.

Có Pháp Sư Dung Trí ở chùa Thái Học, là bậc thần túc trong Pháp của Đại Tề Quốc Thống. Hiểu suốt các Pháp Sư, đạo sáng cả hai Tạng. Học chúng có đến năm trăm vị, nương cậy kê vai. Ngài Dung Trí thường giảng kinh Niết-bàn và Luận Thập Địa. Sư nghe đó bèn đầu thành nương tựa, giữ theo khuôn phép học trò trông kính thầy. Chăm học nghiên cứu suốt mấy năm, hề được nghe những gì thì đều thuật lại, thường giải thích cho đến cùng. Từ đó, tất cả học chúng đều chú mắt cùng suy tôn Sư làm thầy. Lại vì hạnh yếu nên tăng mới đầu thì trước phải răn bảo, Sư mới đến chỗ hai Luật Sư Vân và Huy, rộng cầu chỉ dạy sáng rõ, trải qua hai năm học hỏi, Sư soi rọi khắp tông điều, chỉ có Tiểu thừa là Sư chưa xem duyệt kỹ càng, bèn nương theo hai Đại Luận Sư Đạo Du và Pháp Đản,

đối mặt thọ học hai Tông Thành Thật và Tạp luận, dò hỏi đến chỗ sâu mầu, kết tập thừa bày, tăng chúng có đến mấy trăm vị, mỗi người đều mở cửa rộng, người phân cánh phụng. Mãi đến lúc Sư lên pháp tịch, dâng kinh đến năm biển, bên cạnh Sư lại tham cứu các Luận Bà-sa, Ca-diên, Xá-lợi-phất, v.v... Khéo thông văn lý luôn động hằng tâm, tiện dịp Sư xem rộng các kinh, khuôn phép luận đạo. Hùng thế khuynh cả tám vị, từ hiệu là Tứ Phi, riêng bước khắp núi sông, thuyền bè ba Tạng, nương nhờ tham thỉnh, trí sáng tài giỏi ở đương thời. Tề Lang Da Vương cũng rất mến trọng, quạt rộng phong du, thường ở tại Triệu Xuân, mời các Pháp lữ nhóm họp tại Nghiệp Đô, đặc biệt khai mở pháp tòa, thỉnh Sư làm Pháp Chủ. Sư đến sách tấn khuyên răn học chúng. Nhân đó mà dẫn ngộ thành bến bờ càng gặp được ấm mát, Sư truyền hương thơm tiếp võ, ảnh hưởng vinh dự đến Đông hà.

Không bao lâu gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung năm trăm sáu mươi mốt - năm trăm bảy mươi chín) thời Bắc Chu phá hủy tất cả, Phật pháp ly tán, Sư bèn cùng các bạn đồng tu như ngài Pháp Quý, Linh Khản, v.v... hơn ba trăm vị tăng từ đất Bắc đi về hướng Nam đến Giang tả. Vua Tuyên Đế (Trần Húc năm trăm sáu mươi chín-năm trăm tám mươi ba đời Trần xa kính tiếng vang đức hạnh của Sư bèn thừa dịp đón rước, bảo Thị Trung Viên Hiến đến thành Kinh Khẩu lễ tiếp Sư lên bờ. Vua lại sai phụ mã Thái Ngưng tuyên đọc sắc chiếu rằng: “Bậc Chí nhân vì Pháp, hiến thân cho đạo. Pháp Sư v.v... khéo sáng suốt trị loạn, về nương cây nơi có cương kỷ, có thể nói là những bậc chánh sĩ có tâm đạo, rất là đáng mừng! Nên mời đến chùa lớn ở Đô Quách để. Sở ty cung cấp đầy đủ”. Bèn ra lệnh suy cử những vị Trưởng giả Nghĩa Học để mở mang Tượng giáo. Bấy giờ, kiến nghiệp Tăng Chánh, vua Tuyên Đế bảo hai vị: Sư và Ngài Pháp Quý cùng đối biện mở mang Tiểu luận. Thân khí lưu thông, sớng đủ khí dũng ở đương thời. Học lữ gần năm trăm vị. Phần nghiệp hữu lậu chứa nhóm mới lạ. Có Tam tạng Pháp Sư khuyết hiệu; người xứ Thiên-trúc gần gửi nương tựa, mang theo hai bộ Nhiếp luận và luận Câu-xá, xa hoàng hóa ở biên phục. Lúc mới về là cuối đời Lương và cuối cùng trải qua triều đại nhà Trần, hơn hai mươi năm, truyền thông không nơi chốn. Tuy phiên dịch truyền bá giảng trao nhưng không nổi tiếng. Chỉ có Sư riêng chọn lấy Huyền tâm, thường ngoạ Pháp vị ở luận điển ấy. Mới có lúc rảnh giảng, Sư bèn đến chỗ sa môn Pháp Thái dò hỏi quyết nghi bàn luận, chỉ trong vài năm mà tinh rành, thông dung cả hai bộ. Từ hơn bốn mươi luận như Phật Tánh, Trung Biên, Vô Tướng, Duy Thức, Dị Chấp v.v... Sư đều nắm cương yếu, phân

tích rõ ràng.

Vua Cao Tổ (Văn Đế-Dương Khiêm) đời Tùy mở lớn trong thanh bách Việt, Văn quỹ đại đồng. Niên nhiệm Khai Hoàng thứ mười (năm trăm chín mươi) ban sắc cho các hàng Liêu thứ, v.v... người nào muốn xuất gia, đều được chấp thuận. Bấy giờ, Chư tăng mới được độ có hơn năm mươi muôn vị, mới được giáo hóa chưa mấy ngày mà biết được bến bờ. Sư cùng hơn hai trăm vị tăng như Ngài Linh Khản, v.v... nghe cơ duyên thừa nương tế độ đó đều trở về Giang Bắc. Đi đến từ phương, mở rộng các trường giảng. Thượng Trụ Quốc Từ Châu Tổng Quản xin phù lệnh hòa, dẫn đến sở Bộ, đồng thỉnh Sư trụ chùa Vương ở Kinh Triệu trước kia, đầy đủ trang văn tấu tình. Vua bèn ban sắc cấp đề biển ngạch là chùa Sùng Thánh. Từ đó, Sư thường xoay bánh xe chánh pháp. Khắp Giang Hoài đều đơm nhuần, khiến cho sự hoằng hóa dần dờn đến Hà Bắc. Nối nhau theo đường trông theo hơi khí, cùng theo nhau đến, đều thưa hỏi Nhiếp Luận. Sư vốn học với Ngài Chân Đế mà nghĩa thật từ Ngài Thiên Thân. Tư tưởng vượt lời trước, âm vận cao truyền sau. Yếu chỉ cùng cực của Đại thừa thấy đều thông suốt. Từ đó, Ngài lãnh tượng cả chín châu, rữ chương khắp bốn biển. Sư soạn Nhiếp luận Sáu sáu quyển, Tạp Tâm số năm quyển. Lại soạn các huyền nghĩa của Cửu Thức, Tam Tạng, Tam tụ giới, nhị Sinh tử, v.v... đều lưu hành ở đời, được người đương thời tôn sùng. Tùy Văn Phong, Thiền Đại Tông loan giá ở Tê Lỗ, Các hàng nghĩa học ở Quan trung, nhân theo đến Từ Bộ, tới chỗ Pháp tịch của Sư đều kính phục thọ học. Do đó mà môn đồ ủng hộ hưng thịnh, Chương Số lưu hành cùng khắp.

Trước kia, Vương Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy lúc đang trấn giữ Dương Việt, xây dựng bốn Đạo tràng, Giáo Chỉ được hoằng truyền. Sư trọn từ tạ. Đến lúc Vua lên ngôi, lại có sắc chiếu thỉnh mời, Sư vẫn cố từ chối mới thôi. Môn nhân đệ tử hỏi Sư về nguyên do. Sư đáp: “Vương thành có hạn, mọi cử chỉ hành động đều trang nghiêm khó khăn. Tuy nội Đạo tràng chẳng như bên ngoài vật. Sa-môn là giải thoát, vì sao lại có việc phiền lụy ư? Ta từng đi khắp lưỡng Đô, thường gặp ở khắp nơi còn tệ hơn sự lao nhọc này. Sư thường luôn trắng trong tự khiết tịnh, riêng lập đạo tràng. Thường ngày gia tâm lễ tụng tu các tịnh nghiệp. Giảng đạo nối nhau, khuyên răn sách tấn Tăng chúng sáu thời. Ngài siêng năng cần khổ từ trước đến nay đã ba mươi năm. Chỗ đất Sư cúi đầu sụp lạy, hai tay, hai đầu gối đều hũng xuống và biến thành lỗ hồng vết tích, tướng trạng như khuôn người. Cảnh hạnh của Sư nêu rõ đại loại như thế. Tự có luận sư, thường mê lầm hạnh chỉ, mà Sư phụng

vâng theo Pháp độ, từ đầu chẳng rời đấm. Sư từng gặp lúc trời mưa, tắm gội nơi sân, sợ tổn thương đến tánh vật khác nên sai tịnh nhân trông coi khắp cùng, mới tự theo dùng. Sư ngài rất ưa thích Văn tảo, có lúc Sư bày vẽ thi tụng, lại mừng vui mến chuộng suốt rừng, Sư thường dẫn bước đến những nơi hiểm nguy. Tử sử Triện lệ từ đó đến nay. Thế luận kịch đàm rất có tiếp thừa mạnh mối. Bỗng nhiên vào niên hiệu Đại nghiệp thứ mười (sáu trăm mười bốn) đời Tùy, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tám tuổi.

Quang Lục Đại Phu ở Bành thành là Đạo lưu Thủ thuận Chính Công Đồng Thuận, cùng Đạo tục trong bộ đón rước an táng tại gò Thần Cao. Có Sa-môn Đạo Cơ ở Ích Châu trước kia tham dự Pháp điền ngồi ở cuối tòa, đượm nhuần được đạo phong đức hạnh của Sư, kính tiếc an phóng lưu hồn, buồn cho sự hoang tàn của tháp mộ. Vì vậy nên viết lại hành trạng lưu bố rộng ở đời.

2- Truyện ngài Thích Tĩnh Huyền trụ tại Đạo tràng Đại Thiên Định ở Tây Kinh:

Thích Tĩnh Huyền, họ Triệu, người ở xứ Thiên Thủy. Kiến thức trình độ của Sư sâu rộng, trong sáng soi suốt cao xa, năm bảy tuổi, Sư làm học sinh tại quận, chuyên cần xem đọc suốt ba mùa Đông, tài nghệ bao gồm sáu Điển. Đến lúc nhà Tùy khởi vận, Sư bèn theo Nghiệp của Lý Trương. Danh dự vào Hoàng Cân, thân đồng nơi Quán Vũ, hít thở hơi móc, nhả nạt âm trầm. Sư nghĩ rằng năm ngàn Đạo đức vốn chẳng tạo chân, bảy điều giới răn siêu thăng vốn là luống dối, mới xả bỏ khảm đai áo vải ấy mà mặc lấy Ca-sa. Sư lắng luyện nhất tâm, chuyên chú kinh bộ.

Bấy giờ đang độ tuổi Sa-di, mà Sư đã lên Pháp tượng, khắp nơi từ Trung Hoa ra đến các vùng quê thẳm đều tôn trọng kính ngưỡng, kẻ tăng người tục cũng đồng ghé mắt trông xem. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, tiếng tăm hùng thế Sư càng cao, bèn hoằng hóa khắp vùng Lũng Tây, truyền trao rộng lớn khắp xứ Hà Lạc. Vì đất Tần xa vắng rất cần Phật Pháp tươi tắn, sắp muốn kết lại giềng mối suy đồi đó để ban trái di tăng này. Sư bèn nêu bày đầy đủ Chánh Pháp Yếu Vụ tấu trình lên Vua Văn Đế (Dương Khiêm năm trăm tám mươi một-sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, được ban sắc chấp thuận soạn Luân ngôn để giúp chấn bạt. Đến xuống Hà Hữu phân điều y cử hành dụng. Thái tử Nguyên Đức nương vào đạo mẫu nên có tư tưởng kính chuộng, bèn ban lệnh chỉ xa thỉnh Sư đến Kinh Hoa. Sư bèn cung kính vâng thừa Gia tuệ đến đi quanh cung Vua.

Có sắc lệnh thỉnh Sư trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện, hoàng dương thanh hành Pháp hội. Hiên cao ngọc chạm vang tiếng, chổng tích ôm bát, tất cả đều đến trông xem đạo phong đức hạnh, âm ba vang tỏa trùm khắp. Giả sử như xa luận thể giải buông tan vết nghi, giúp cho người hỏi vận do cửa hiểu rõ mà ra sức hoàng tuyên. Bấy giờ có Pháp Sư Xá ngồi ở tòa nói rằng: “Từ Hà Lương, các hàng nghĩa lữ thì sa môn Đạo Lăng là bậc chuyên quyền nổi danh, lần lượt đến nay. Ông (Tĩnh Huyền) là người tiếp Chấn, thay không thể được. Người ấy ở đây.” Do đó mà Sư hiển bày kinh dự ở chốn kinh đô, tự nhiên cao bước. Gặp lúc vua Cao Tổ (Văn Đế-Dương Khiêm) đời Tùy băng, Vua Dương Đế (Dương Quảng) un đúc xây dựng chùa Thiên Định. Sư bèn vâng chiếu đến trụ ở đó, thường xoay bánh xe, mở mang chẳng ít.

Đến ngày hai mươi chín tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (sáu trăm mười một) đời Tùy, Sư không bệnh mà thị tịch, thọ bốn mươi ba tuổi! Lúc còn sống Sư giảng luận, thường lấy tâm từ bi làm chính, có dặn đệ tử đem nhục thân bỏ trong rừng trống. Có Sa-môn Tuệ nghiêm cũng người xứ Thiên Thủy là đồng bạn của Sư, nhớ tưởng đến lời nói xưa trước, nên đưa nhục thân Sư vào chân núi, đến lúc da thịt đều tiêu hết, bèn gom nhặt di cốt còn lại đem về xây tháp gạch để thờ tại ngọn núi phía Tây chùa Long Trì ở Chung Nam, lập bia minh nơi chỗ tháp dùng để tán dương đức hạnh Sư, do sa-môn Minh Tắc soạn Văn bia.

Ngài Minh Tắc vốn người ở Châu Ký, thông rành Huyền Nho, rất có tài tuệ, lời nói từ hòa, hành động sáng suốt, rất đáng là nơi thừa thống. Văn tảo của Sư tuy nổi tiếng ở đương thời, nhưng không hề thường đọc. Sư bèn soạn Văn bia chùa Giác Quán, vật cũng chẳng tỏ ngộ. Bộc Xạ Dương Tố trông thấy lấy làm lạ, do một lần nhìn thấy bèn lớn tiếng hỏi, tấu thỉnh Sư trụ chùa Tam Thiên ở cung Khâm Thọ. Khi ở tại Đông Đô phiên dịch kinh lại thỉnh Sư vào Quán, chuyên trông coi việc biên tập. Đến cuối đời Tùy, Sư thị tịch tại chỗ ở. Có Văn tập lưu hành ở đời. Tiết Đạo Hành thường nói rằng: “Văn của ngài Minh Tắc thường phát ra sắc thái mới, riêng chiếu rọi rõ”. Sư rất được các bậc Hiền giả đương thời mến chuộng đại loại như vậy.

3- Truyện ngài Thích Trí Nhuận ở Tương Dương:

Thích Trí Nhuận, không rõ Sư họ gì, người ở xứ Tương Dương. Sư không có thầy chỉ dạy, riêng mình tự ngộ. Tự nhiên nhằm chán sự đời, Sư đi khắp đồng rộng chương ấp thừa hỏi Đạo lý xuất thế. Nương ở tại Nghiệp Hạ, Phật Pháp đang hưng thịnh, Thập Thống hun đúc phát huy,

khuyến ảnh hưởng lan tỏa khắp nơi, Sư chẳng cảm nổi sự vui mừng ấy, nên hờn hờ không yên.

Năm hai mươi tuổi, Sư bèn rảo bước xa khắp, gặp Tuân Thống đang mở mang khai giảng Luận Thập Địa, Sư bèn thọ học. Qua thời gian đến các trường giảng, Sư đã từng tham dự đáp luận. Mọi người lớn nhỏ khắp xứ Hà Bắc đều trông nhìn mà chấp nhận. Về sau, Sư tham học các Kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn, đều thêm Vinh hiển. Sư lại nghe Quang Thống giảng Luật Tứ Phần, lãnh thọ Văn ngôn, tập cả Tiểu luận, đủ khả năng biện luận thông bát. Người đương thời gọi Sư là Bác Thiệm! Ít có ai hơn. Lại nghe ở Giang Biểu đang mở mang hưng thịnh Tam Luận, thế rồi bốn nguyện Sư chẳng xa mà trở về. Gặp ngay Biện Công ở Trường Can đang hướng dẫn xướng đầu. Sư bèn dự theo nghe thọ, một khi tỏ ngộ tự nhiên vui mừng. Văn nghĩa sâu nặng, trải nhiều thời gian. Sau, Sư trở về Hán Âm, thường giảng Đạo dẫn dắt, hành hóa khắp Giang Hán, khéo sinh Đạo tục.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, bắt đầu thỉnh Sư trụ Chùa Tuệ Nhật, khí lượng càng bao gồm dồi dào lại càng tràn đầy từ trước đến nay. Gặp lúc đi chinh phạt Liêu Tả cầu công Nhạc Độc. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc cho Sư đến Mân Thục để cúng cầu thần sông. Khi về đến Tây Kinh, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa Thiên Định, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Đại nghiệp thứ mười (sáu trăm mười bốn) đời Tùy.

4- Truyện ngài Thích Trí Tụ trụ tại núi Hồ Khâu, ở Quận Ngô:

Thích Trí Tụ, họ Chu, trụ chùa Đông Sơn ở núi Hồ Khâu thuộc Tô Châu. Thần khí Sư trong sáng với vợ, từ lúc đang còn lót tã. Sư nhằm chán sâu sắc sự buộc ràng, ưa thính mong cầu tĩnh lặng.

Ban đầu, Sư đến chỗ Pháp sư Dận ở Võ Khâu. Pháp sư Dận là người quý trọng Đạo nghệ, vũ nghi ở đương thời. Sư phân chia thời gian, không biếng trễ, thưa hỏi điều lợi ích, vào sâu diệu chỉ. Có các vị như Cố Hy Bằng là người cùng Quận với Sư, Tạ Tuấn Nhạc ở Cối Kê, là những bậc nghĩa phủ Kinh tứ, tốt lành khắp cả Đông Nam, đều khâm trọng cao đức, đồng tiếp nhận Thanh phong, do đó mà Nho Thích đều mở mang, chân tục nêu đủ cả. Cung tường nhiều lớp đều xứng được cửa ấy. Vừa mới hai mươi tuổi, Sư bèn mở rộng việc giảng nói. Có Pháp sư Tước ở chùa Trang Nghiêm, mới thật một nhà ứng dương muôn đời. Sư bèn vâng theo dò hỏi chất vấn trăm nhà chẳng xa. Văn vẽ bày phát đã tinh anh, nghi trệ đều được giải quyết. Có Chu Hoàng Chánh ở Nhữ

Nam là bậc thông hiểu giáo điển nội ngoại, xét thưởng người thường, từng ngợi khen sự tốt lành đó, có thể cho là Hồ Liên của Thích Môn. Dưới thời nhà Trần, có Vương Bá Sơn ở Bà Dương, Vương Bá Chu ở Tân An, Vương thúc Tề ở Tân Thái đều kính quý mến đạo, thỉnh Sư giảng Pháp.

Niên hiệu Chí Đức thứ hai (năm trăm tám mươi bốn) đời Trần; Sư vâng sắc thỉnh của Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) đến Điện Thái Cực giảng Kinh Kim Quang Minh. Hậu Chúa đích thân đến dự Pháp tịch, các hàng Quan liêu đều đông đảo, nên có thể chảy nhanh như thác, gõ lại mõ này, lớp lớp âm vận kỳ đặc, vượt lên nhập thần. Hoặc có người nhanh nhẹn đã trải qua Tiểu đạo, chấp gì tà luận, không ai chẳng quay xe ngậm miệng sửa tâm đổi nghiệp. Nhân Chủ tán thưởng, ngợi khen lâu dài. Đến niên hiệu Chí Đức thứ ba (năm trăm tám mươi lăm) Sư phải chịu tang mẹ, khóc mắt ra máu, ngậm buồn gần như hủy diệt. Nhân đó, Sư nói trở về quê cũ, trụ tại tinh xá Đông Sơn, khéo giảng nói chẳng dừng nghỉ, bánh xe Chánh Pháp vẫn luôn xoay chuyển.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (năm trăm chín mươi mốt) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thư ân cần thăm hỏi: “Pháp sư gá thân tịnh độ, Chí đặt ở Pháp Môn, khắp vì chúng sinh giảng nói Chánh Pháp. Siêng tu công đức, dẫn dắt sách tấn pháp đồ, chuyên tâm giảng tụng, rộng cứu giúp mọi loài. Trẫm khâm trọng kính thừa đức nghiệp, rất lấy làm vui mừng!” Thượng thư lệnh sở Công Tố, Tả Bộc Xạ Bi Quốc Công Tô oai đều đích thân đến đạo tràng đánh lễ dưới chân, đều xả bỏ tịnh tài tư trang thân mạng.

Niên hiệu khai hoàng thứ mười ba (năm trăm chín mươi ba) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc thiết đặt Tăng Quan. Tăng tục xét thỉnh đặt để trách nhiệm bình đẳng. Sư vì phục đạo người ấy, thẳng tâm ứng vật. Đại chúng hòa hợp, thanh tịnh đạo phong điều mục như vậy. Bấy giờ, Quận Tương Tông thành Lưu Công sớm ngưỡng mộ Cao Danh, thường kính trọng thanh đức. Khi đến bộ lâm trấn, thỉnh Sư làm giới sư truyền giới Bồ-tát. Tề Vương giám lấy sự quý trọng của Đế tử làm trấn mục Hoài Hải, bèn ban giáo thư đến núi thỉnh Sư rằng: “Đệ tử xuống xe, cật sự đổi thay nóng mát. Xa nghe thanh quy ấy đến có mấy ngày. Vài Kính thừa sâu kín, nương gá núi hang đã trải qua nhiều năm. Đạo phong khí thẳng riêng chiếm lúc này. Nên vì đức trùm cả các ngài Pháp Lâm, Tuệ Viễn, Đạo vượt cả Đạo Sinh, La-thập, sáng ngời đuốc tuệ ấy để soi ngộ quần mê, riêng bước Giang Đông, sao rất xinh đẹp! Song, đệ tử chưa được xét nghi, nên cố thỉnh Sư để hưởng thừa cao nghĩa, khổ

nhọc của thoi trục, chở đầy hoài bão, cứ trụ của Hổ, đường sông chẳng xa, liệng quanh sáng của chim cò, khói gió cùng tiếp, hẳn cầu mong khoác y nhấn nhục, đến nơi trông mong của kiều cần! Sư bèn viện cố bệnh mà cố từ. Sự việc không như ý, Tề Vương dắt dẫn nương gá Bình Đài càng thêm kính lễ, thường sai kẻ sứ thỉnh mời mở mang Đại giáo. Sư chỉ giữ chí trái ngược người đời. Tâm vượt giang hồ. Văn từ bút mực khẩn thiết Sư cố cầu xin trở về lại phương Đông. Vua cũng mở rộng vì ngoài trần để được toại tâm xưa, giúp cấp các thứ cần dùng, tiễn đưa rất long trọng. Bấy giờ, Sư tiếp Triết thân, xa trở về chùa núi, Sư hiện tướng bệnh khoảng mười ngày mà thân dụng không đổi khác. Ngày hai mươi bốn tháng mười một niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, Sư thị tịch tại chỗ ở, dung mạo vẫn như lúc còn sống, trên đánh dấu còn ấm, thân thể mềm mại đều như ngày thường. Nghe các ghi chép trước, mới thực chứng quả cảm! Sư thọ bảy mươi hai tuổi. Qua tháng mười hai năm đó, an táng tại Nam Lãnh của núi.

Tánh Sư nương gá cao xa, khâm tình nhàn đạm, sánh lòng gặp vật, mở lượng ở lòng. Sở Việt buộc tình, được mất đều bỏ. Chỉ tác vuông đất, thốt nhiên ít lường biết, dáng dấp phong thái xinh đẹp, khéo hay nói cười. Những người lưu liên thưởng ngộ quên cả trở về. Thêm vì, Sư ưa thích giảng nói, quên cả nhọc mệt, tổng trì không mất. Sư giảng các Kinh Đại Phẩm, Niết-bàn, Pháp Hoa, v.v... mỗi bộ hai biến biến. Đơn kinh vừa chuyên, ít được ghi chép. Sư lại sống đời thanh khiết, không hề trang sức mua vui. Ngoài y bát tùy dùng, các thứ khác thấy đều thí xả. Trong phương trượng rộng không an nhiên, ngoài giường ghế ra chỉ có kinh sớ mà thôi. Cho nên có khả năng làm cho đạo hưng thịnh một thời, danh trọng ở lúc bấy giờ. Sư tạo lập tôn tượng Lô-xá-na Vô lượng Thọ cao tượng tám, là tôn tượng xinh đẹp ở Kinh Châu, cúng dường tại chùa, và xây dựng hai ngôi điện Phật ở Giảo Tây, trở lại mở rộng khắp quanh, đầy đủ hai thứ trang nghiêm. Sư có đệ tử là Đạo cung, giống như con là Đạo thuận, Đức chỉ thượng thủ, nghiệp lớn truyền đăng đều dựng nhà bia cao, để tán dương Cảnh hạnh của Sư. Bí Thư Ngô Thế Nam soạn Văn bia.

5- Truyện ngài Thích Tuệ Khoáng trụ tại Nhiếp Sơn ở Đơn Dương:

Thích Tuệ Khoáng, họ Tào, người ở Tiều Quốc, sau đó biệt phái, nay thành người xứ Tương Dương. Ông nội Sư là Lượng Tông, làm Cấp Sự Hoàng môn thị lang Vệ úy Khanh ở thời nhà Lương. Cha của sư tên

Ái, làm Trực các tướng quân. Sư tuần tú, khí độ trội vượt từ tuổi thơ, tự nhiên hiếu kính, tánh đức cao liêm.

Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia, phụng thờ pháp sư Trùng chùa Bảo Quang ở Giang Lăng. Chỉ chuyên cần nghi huấn, trang nghiêm duy diên, phát sáng diệu chỉ sâu mâu, vượt xa đồng bạn. Sau, Sư từ giả chữ Cang Minh Đế, hỏi Đạo ở Vương Hành, trụ chùa Luật Hạnh, nghe Bành Thành giảng, mở cửa huyền ấy, Đại nghĩa đã thông, sắp việc tùy phương chuyển tướng hoàng giáo, Sư bèn cùng các ngài Tông Khải, Chuẩn vận v.v...đều thẳng đến chỗ ngài Chân Đế thọ học các Kinh luận như Nhiếp Đại thừa, Duy thức v.v...Kinh Kim Cổ Quang Minh, v.v... hai vua ở Châu Tế Bà Dương và Trường Sa đều dốc lòng giữ lễ kính theo pháp thầy trò. Sau, Sư ở Tương Châu và Dĩnh Châu trải qua nhiều năm hoàng đạo, tuy gần giác ngộ lâu quên mà địa ân đợi báo đáp. Nên đến niên hiệu Chí Đức thứ nhất (583) đời Trần, Sư nói trở về lại ấp xưa, nhằm niên hiệu Khai Hoàng thứ ba đời Tùy. Sư đến Đạo tràng Biện Giác truyền kinh dẫn hóa. Sư đã có khả năng luật hạnh tinh nghiêm, nghĩa môn thông rành, kể tặng người tục đều kính ngưỡng, giềng mối kỳ đặc, bao gồm trông coi tám năm.

Sau, Sư lại vâng sắc đời đến trụ chùa Hưng quốc, nhậm thừa ban giao, ty luân lại ban giảng, hương tô thường thưởng. Tần Hiếu Vương Đế Tử rất tôn kính phụng quy giới. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy biên soạn Lịch, đáng phù hợp Tôn Kính bậc Hiền, tưởng thưởng vị Đạo, bèn ban cho Vương nhân thỉnh mời ở Liên Câu. Đạo Thứ Giang Dương lấy cơ bệnh từ chối chẳng được, được ban sắc trụ chùa Núi Thê Hà ở Đôn Dương để chuyên việc trị dưỡng. Sư lại vốn hiệp tánh thông túc, gá thần nơi suối đá, thường quen ràng buộc nên ốm bệnh dùng thôi. Ở tại Pháp Đường chùa Thê Hà, Sư lại diễn giảng Đại Luận. Các hàng Tân Văn cựu học, mỗi người tự bàn luận thẳng giải, lại quy kết Thiền thiền. Phòng Sư i vốn ở Tinh Xá Thê Huyền là dấu vết còn lại của Cảnh Lăng Văn Tuyên, là Di Phong của Thiền Sư Tuệ Hiếu, là sự kỳ đặc của Cảnh Đàm nguyệt thọ, là sự Huyền diệu của Vân Các Sơn Đường là nơi Sư từng đi qua nên có chí muốn trọn đời ở đó, sau dẫn đệ tử dời đến nghỉ ở đó, bờ hang hết tâm của người đời, mây khói thường vờn quanh trên địa vực ấy. Ở đó lại có những người mến mộ sự chân thật, kính trọng Đạo nghĩa tìm đến nơi ấy đông đúc.

Đến ngày mười sáu tháng năm niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ tám mươi tuổi. Trên đánh dấu còn ấm trong thời gian lâu, hai ngón tay co quắp lại, đó lại rất

phù hợp với tướng Thượng sinh đắc Đạo. Qua đến ngày hai mươi, an táng tại núi phía tây của chùa. Các Đệ tử, v.v... dựng lập Bia, ghi chép Đạo hạnh của Sư, Sa-môn Pháp Tuyên ở Thường Châu soạn văn bia.

6- Truyện ngài Thích Trí Lâm trụ tại Đạo tràng Nhân Hiếu ở Đơn Dương:

Thích Trí Lâm, họ Lư Khâu, người ở xứ Phòng Dự thuộc Cao bình. Ông nội Sư tên Nghiễm, nhân cư xem thường thế sự. Cha của Sư tên Đàm Trân, làm Thường thị nước Lương. Thưở bé, Sư hiền lành có tiếng tăm trong bà con xóm làng. Xứ Sĩ Biện Thuyên là người nổi tiếng ở đời. Sư thưở nhỏ đã khéo cầu học phục ứng thính nghiệp. Với các Kinh Sách Lễ Dịch Trang Lão, Sư đều thấu cùng chỗ sâu mâu. Biện Thuyên mừng Sư sớm phát tuệ, bảo rằng: “Thật là Thần Đồng ít có ở đời!”

Đến tuổi trưởng thành, Sư bèn vượt thoát lìa tục, tôn thờ Sa-môn Pháp Đôn ở chùa Nhân Hiếu làm thầy. Kính vâng oai nghi giáo dưỡng, bảm thọ giới pháp Sa-di, ăn dùng rau trái, tiết tháo cần khổ chuyên tu. Với các Kinh Pháp Hoa, Duy-ma Sư thọ trì thành tụng. Gặp lúc Sa-môn Pháp Đôn thị tịch mà Sư giới phẩm chưa viên mãn, bèn cao bước đến thượng kinh, lại tôn sùng khuôn phép của thầy, đến nương tựa Pháp sư Hằng là Đại tăng chánh ở chùa Đông An. Đã nhờ được Lực Sinh, vâng thọ giới pháp Tỷ-khưu mới viên cụ, Sư bèn thọ học Luận Thành Thật và kiêm học Tỳ-ni. Khi đã thâm hợp Văn trì, sắp mở rộng truyền trao. Sư nhìn huyện làng, nghĩ báo đáp Địa Ân, nên niên hiệu Thái Kiến thứ mười (578) đời Trần, Sư trở về quê cũ. Thứ sử Nam Từ Châu là Tiêu Ma-ha rất kính lễ khác thường, bèn thỉnh Sư giảng nói. Từ đó nhóm họp Tông tượng, quay bánh xe chánh pháp. Những người thọ học cầu nghe rất đông.

Niên hiệu Thái Kiến thứ mười một (579) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) ban sắc cho Sư Khúc A Tăng Chánh. Năm sau (580) lại ban sắc bổ nhậm Sư làm Từ Châu Tăng Đô, xứng đạo trở về, xét do đức hạnh Sư tỏa khắp.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Thứ Sử Nhuận Châu là Lý Hải Du, chịu làm Đoán sự, giềng mối gọi cậy, xứng đáng đều thuộc, ở tại chùa Nhân Hiếu, trước kia vào thời nhà Lương đi đến phía Tây, dò hỏi bàn luận với Đàm Tăng Thiệu Xả, bỏ vườn nhà mà xây dựng, điện đường mở xây, loạn ly luôn đến, Sư bèn tiếp nối dựng cột trụ chính, bày thêm văn vẽ, tảo sức, xoay vần mở lớn rộng rãi, thật có lắm công sức. Trước sau Sư tu tạo năm tôn tượng bằng thân người thường,

một tôn tượng chắp nối bằng sợi gai, thần nghi hiển diệu tướng tốt trang nghiêm cao trội. Lại ngay trên đỉnh núi Dục Vương, Sư xây dựng ngôi tháp gạch năm tầng, mô phỏng theo tám muôn cùng một lúc mong cầu Cao Diệu. Sư giảng các kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa, Tịnh Danh, Kim Cốt mỗi bộ có mấy biến, Sư độ đệ tử hơn ngàn người. Thường nghĩ tưởng hưởng đạo đến bến bờ cốt yếu, chẳng mền chuộng Thiên-na, vì muốn chiêu ẩn già-lam, sơn phòng vượt hẳn ngoài thế tục, nên nhân tịch, yên lắng nơi rừng sâu tươi tốt, Sư có chí nguyện muốn trọn đời nương gá ở đó. Nhưng bởi sự bức bách của các duyên chướng ngại bên ngoài nên chẳng như nguyện, nhưng Sư vẫn hăm nóng trang nghiêm tự giữ, dạy răn dắt dẫn không mỗi một, các thứ của cải không hề chứa để, tùy duyên mà ban cấp cứu giúp. Oai dung Sư cảm kích đến mọi vật. Lòng tin là người tài giỏi anh minh của Đạo.

Ngày mồng sáu tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư ngồi kiết già chắp tay an nhiên thị tịch tại phòng phía Đông chùa Nhân Hiếu, thọ bảy mươi tuổi. Trước đó, vào đầu tháng năm, có Cư Sĩ Lưu Chí thỉnh Sư giảng Kinh Di-lặc, Sư nhận biết Vô thường, nên không hứa khả. Đến lúc Sư quả nhiên thị tịch, mới thật sự đáng tin thay Sư đã biết trước thời mạng! Và lúc sắp thị tịch ngài dặn bảo các đệ tử rằng: “Rừng Thi-đà là chỗ tôi thường nguyện nói, sau khi tôi qua đời xin chớ trái chí ý ấy!” Sa-môn Trí Khanh, v.v... kính cẩn vâng theo Di ngôn, nên đến ngày mười một tháng năm đón rước Nhục thân Sư đến núi Dục Vương. Bấy giờ, gặp lúc trong rừng Lưu Kim có nhiều con thú mạnh dữ, nhưng lúc ấy đang giữa mùa Hạ (tháng năm) mãi đến mùa thu mà dung nghi da dẻ Sư vẫn nghiêm nhiên, không một hư tổn đổi khác gì, kể tăng người tục đều khen ngợi tán dương, cho là điều chưa từng có! Đến ngày mồng tám tháng chín nhuận, ở núi phía Đông Chiêu ẩn xây dựng ngôi tháp vuông, nói tuân theo quả báo, rước toàn thân Xá-lợi của Sư an trí vào khám núi. Các hàng thế tục cùng đến, chư tăng trong đồng môn thấy đều đến, gào khóc vỡ ngực vang dội các hang động khắp núi. Bèn xây dựng nhà bia ở phía bên phải cửa chùa để tưởng nhớ đức hạnh Sư. Văn bia đó Giang Dương Giới Sĩ Thái Hoài soạn.

7- Truyện ngài Thích Tịnh Nguyên trụ tại Đạo tràng Bảo Sát ở Tây Kinh:

Thích Tịnh Nguyên, không biết Sư họ gì. Sư ở xứ Đại Châu. Năm ba mươi tuổi, Sư xuất gia. Sư có tài năng nghe rộng nhớ nhiều, khéo suy xét kinh luận, sớm thành khuôn phép. Xa làm chỗ kính ngưỡng cho

những người học. Khi đã đăng đàn thọ giới Cụ túc, Sư chuyên tinh Luật bộ, trải qua năm năm, càng lớn thành nghiệp. Vì sớm thấu đạt sáng sủa, vững chắc tu tập, xem đọc thấu thập qua năm biến thì Sư bèn giảng nói.

Ban đầu, vì Sư lớn tuổi mới nhập đạo, nên mọi người phần nhiều coi thường, nhưng khi thử nghe Sư giảng nói, tiếp xúc với văn lý của Sư trong suốt mở tan, không mảy may vướng mắc, mọi người ở ngay tại chỗ ngồi, không ai chẳng kính trọng. Sư liên tục giảng Luật Tứ Phần suốt đến mười biến. Lại nghe các Kinh Thập Địa, Hoa Nghiêm và các Tiểu Luận, cuối cùng Sư lấy Nhiếp luận làm chuẩn tắc then chốt chương cú, đồng thời suốt thông, lấy Thiên hình để Đàm nói đối Khoá. Sư có góp nhặt ghi chú lời Thánh, y theo sự hiểu biết mà chế sức, lưu thông rộng chương sớ. Về sau Sư lại vào Kinh phụ thấu thập sơ lược những điều chưa nghe biết. Tuy trải qua hoài bảo mà Sư không có một tác phẩm mới, nên người đương thời chưa thể lường biết được sự thông hiểu soi chiếu của Sư, Sư trụ ở chùa Bảo Sát, ngâm ẩn dung nghi tài nghệ. Sau nhân Pháp tập, Sư muốn nêu bày danh thể của mình, bèn theo thứ lớp mà dựng lập nghĩa. Ý Sư vẫn còn ở trong năm ấm, liền lên đứng trên Pháp tòa, đại chúng đều cho đó là khác thường, nên đều im lặng không luận bàn, một hồi lâu lặng thình. Sư đưa mắt nhìn cả Đại chúng mà bảo rằng: “Nghĩa dựng lập đã lâu, sao không có ai hỏi gì ư?” Trong đại chúng bảo: “Dựng lập nghĩa gì mới khởi hỏi chứ?” Sư bảo: “Danh tướng đã lâu! Đại chúng tự không nhận biết. Các vị ngồi tại pháp tịch dùng miệng rao truyền, còn tôi thì sắc tâm đều lập.” Rồi Sư bèn an nhiên ngồi xuống, hơi tiếng mạnh mẽ như mây, tự nói rằng: “Chấp chưa nhọc dùng. Vả lại, đây là Tu về người việc.” Bấy giờ, mọi người cho đó là khác lạ, nêu bày thanh khiết, bèn hỏi vặn qua lại. Sư đối đáp như mây mưa, đều định trước về số lần, sau mới tùy số hết lời, mở bút mặc tình ở đương thời. Tà chánh do sự thông trệ ấy. Hoặc có người có lắm điều nghi chứa nhóm điều nạn từ trước tới nay chưa được quyết thông, mà Sư đủ khả năng giải thích thấu đạt nghĩa lý ấy, tự nhiên mở tỏa mới vui thích, khi ấy các bậc thông tuệ cùng dự tham tại đó quy về Sư rất đông.

Sư bèn dời đến chùa Bảo Xương, suốt bốn mùa liên tiếp, nhà cỏ tranh trên ụ đất dùng đó mà giảng nói. Thời khóa chính thức giảng Nhiếp luận, còn chiều tối bàn về tạp tâm, hoặc gồm giải thích kinh Niết-bàn, hoặc phân tích Luật Tứ Phần, không chọn lúc thừa rảnh rỗi, làm khuôn phép cho hậu hiền. Hễ điều gì Sư mở lời giảng nói đều trái

với cựa giải, sau khi soạn sớ truyền bá ra, càng chẳng xem lại, đến lúc giảng, nói năng đều đúng với khuôn phép. Sư đều nghe chẳng hề quên sót, thật ở đời ít có người hơn! Còn như Xá-lợi Tỳ-đàm văn từ ý chỉ trùng lập sâu ẩn, đọc còn cảm thấy khó hướng gì thông rành nghĩa lý, mà ngài cầm quyển bày văn, tự nhiên thông suốt, bèn soạn sớ giải mười quyển. Văn từ rất dồi dào bao gồm.

Gặp lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 thời nhà Tùy) xây dựng tháp, ban sắc Sư rước Xá-lợi đến chùa Lộc Sơn ở Đàm Châu. Ban đầu mới đến châu trị sang bờ phía Tây sông Tương, sắp đến chỗ núi, bỗng nhiên có loài chim lạ khoảng mấy muôn con kết thành đàn năm mầu cùng bay vùn vụt, bay nổi trên nước có hàng lớp hương về phía Thuyền dường như cùng đón rước, và đến chỗ Xá lợi, trở lại bay hướng đi trước, qua lại nhanh chóng. Mọi người không ai chẳng lấy làm lạ. Khi đã lên bờ, chim bèn sắp thành hàng cùng đứng nhìn, và rồi cùng theo nhau bay liệng giữa hư không đến chỗ tháp. Các hàng thức giả cho đó là Biến tượng của quyển thuộc Thần núi cho nên như vậy. Sư tấu trình diêm lành ấy, Vua Văn Đế rất vui mừng khen ngợi, ngài chỉ lấy việc giảng dạy trao truyền làm việc chính. Ngày đêm sáu thời lễ bái, sám hối theo thể thức ban đầu chẳng biếng trễ. Sư kính trọng cẩn trì Pháp luật, như những gì đã nghe học mà vâng làm. Sư tự thấy các bậc Pháp tượng có nhiều sơ suất về giới Tông, đều do thiếu đức tin mà trọng vào sở học cho nên như vậy. Nay Sư bao gồm tất cả mà tốt lành, riêng giác ngộ tràn khắp ở đời. Có thể gọi đó là “Người sáng suốt hộ trì giới nên được như vậy!” Khấp chồn kinh áp tiếng tăm Sư ban đầu mới vang xa, mọi người đều tôn kính muốn nghe. Đến khi thấy Sư giảng nói Kinh thuật, đồng thời Hiến Chương Tiên đạt, đổi chánh Văn nghị, rất nhiều người nín lặng, chẳng hơn phẩm tảo, đều bị vướng mắc đối với điều thường tu tập, thính chúng chẳng đầy mười vị. Lại nữa lời lẽ của Sư quá cao vời, chẳng phải chỗ mong mỏi của hạng người tâm tánh vội vã, chẳng phải chỗ nào để người đến sau nhập vào.

Đến đầu niên hiệu Đại nghiệp đời Tùy, Sa-môn Biện Tướng tìm mời Sư đến chùa Tuệ Nhật, hiện tại đó chúng có cả trăm người đều đã nhận biết được bến bờ. Ngài Biện Tướng đều giao phó cho Sư. Từ đó Sư vẫn như thường giảng bày khai ngộ, chúng nghe đồng gấp bội khi trước. Lại cùng kích tán khiến âm hưởng càng vang xa. Bốn phương nhân đó ngày một tìm đến nghĩa Diên, đều được nghe điều chưa từng nghe, mừng vui đến chỗ nghĩa khó, còn như phân sương thấm phục, nêu lên giếng mỗi. Người ngồi bất chợt lia khỏi chỗ, đều ngợi khen nghĩa

ấy, gặt hái đến chỗ sâu sắc. Một năm sau thì Sư Biện Tương thị tịch, thọ hơn sáu mươi tuổi. Lúc đó nhằm tháng năm niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609). Nhưng Sư có sở trường thấy biết rộng xa mà kém phần phước nghiệp, xét ở Học chúng vừa mới đông đảo, chợt liền tan hết, há chẳng phải vậy ư! Thế rồi các Bộ Xá-lợi, Tỳ-đàm chưa hề bày giảng, các bản sơ giải lại thất lạc, đời sau mất hẳn sự hoằng thông. Thật rất đáng buồn tiếc!.

8- Truyện ngài Thích Trí Ngưng trụ tại Đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh:

Thích Trí Ngưng, không rõ Sư họ gì. Sư là người xứ Dự Châu. Xuất gia từ thưở thiếu thời, chứa truyền thầy tập, qua mắt thì chẳng quên, đều xuyên suốt hoài bão. Các kinh đọc tụng có đến mấy mươi muôn lời chỉ phút chốc đã dẫn tụng được, không hề ôn cũ.

Sau khi thọ giới cụ túc, tiếng tăm ngài ngày một trong vọng, yếu chỉ xa của các Tông sợ sau không thành. Sư nghe vâng bèn tự than rằng: “Người đời chỉ lo sớm được nghe Đạo, chẳng lo tối chết, yếu Đạo xuất thế đâu lụy gì đến Hậu Bành sinh thành?” Sư bèn đến chỗ Tung Công, kính ngưỡng cầu hỏi Nhiếp Luận, u thần ngoài động, đến chỗ chánh nghĩa, trong tâm Sư như từng đã nghe trước, không còn phải thưa hỏi lại. Ban đầu, Tung Công mới giảng xong Đề nghị Thắng Tướng. Sư bèn ngoái nhìn lại tất cả thính chúng mà nói rằng: “Giềng mối yếu chỉ của Nhiếp Luận, tôi đều có thể thấy biết hết, các phần Văn luận còn lại, tôi không rảnh để nghe.” Sư muốn soạn sơ giải, liền đến già từ Tung Công. Tung Công bảo: “Hậu sinh nêu lãnh chỉ đều là đuổi tà, chỉ lo công phu chưa thông hiểu phần sau, sợ e trái hẹp!” Sư hỏi: “Cầu mong Pháp sư mở sáng soi chiếu rộng lớn, nêu bày liền có thể biết mất ở Chi nào, nên không có điều phải lo ngại”. Sư bèn cúi đầu bái tạ từ biệt. Lúc ấy mọi người cho rằng Sư khoe khoang, chưa ai kính chuộng, đến lúc Sư soạn sơ giải đã xong, phán quyết từ tông, y cứ theo đó mà giảng giải, tiếng tăm Sư mới vang vọng càng mạnh.

Sau, Sư đến Kinh Liên ở chỗ Biện Tài, dẫn chúng thường giảng, kíp truyền đầu mối. Dưới thời Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, Phật Pháp hưng thịnh, thường luôn mở điện hội. các bậc Danh tăng tiên đạt, thường tham dự thắng tập, chỉ riêng một mình Sư dẫn chúng hoằng Đạo. Còn như đối với vinh lợi thế tục, Sư không hề đưa mắt liếc nhìn. Do đó, học chúng thành tựu đức hạnh khác với các trang lứa đồng tu. Sau, Sư trụ chùa Thiên Định, vẫn còn giữ thói quen cũ.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Thiền Định, thọ bốn mươi tám tuổi.

Ban đầu, Sư truyền pháp ở Quan Đông, không có tâm nghĩ đến giảng ở chốn kinh đô. Có Pháp sư Minh Cập là người nổi tiếng về Nhiếp Luận, tông tích bằng thầy. Sư đang ở đầu mối ấy, niên sự suy đốn, Pháp sư Minh Cập bèn sai Học sĩ thỉnh Sư. Khi đã đến, một lần thấy nhau không có thuật gì khác, chỉ hỏi rằng: “Thức A Lê Da có diệt chăng?” Sư đáp: “Có diệt!” Pháp sư Minh Cập mới vùng mạnh thân mình ngồi dậy vỗ tay rất vui mừng, sau đó không lâu thì thị tịch. Nhân đó, Sư tiếp thừa đầu mối của Pháp Sư Minh Cập, nên người học chẳng đời đổi tông chỉ. Sư kiêm hạnh thanh khiết trang nghiêm, gió sương chẳng thay đổi. Thường ngày sáu thời đúng khóa, phước trí không khô cạn, nên cả ngôi chùa Biện Tài chỉ riêng Sư lo việc tu tạo, cấp quán dựng đặt. Tăng viện bằng phẳng, mới đầu không có cửa lớn, ngài sửa sang sắp xong, bèn đứng hàng đầu, nói Pháp đã hoàn tất trở lại theo y việc phước, chuyên soạn chương sớ, tay chẳng cầm văn. Tùy thời đánh gõ, lặng lẽ đối đến cùng chuông trống. Hoặc một đêm thí hội, bằng trăm ngàn đêm, hoặc một thời ra ngoài thọ thực, cúng thí gồm cả vàng lụa. Sư không ý niệm giữ riêng. Chí nguyện vẫn luôn là trao truyền giáo pháp, nên hiện tại đang hoằng truyền tiếp nối.

Có Học Sĩ Linh Giác, Đạo Trác đều là Danh tăng ở đất Thục, y cứ tiếp thừa tuệ giải, chuyên chiếm vết tích ở kinh thất, sau trở về Ích Châu mở mang Quyết Tông, nên ở các xứ Mân lạc, nhiếp Luận do nhờ đó mà được lâu dài.

9- Truyện ngài Thích Pháp Ngạn trụ tại Đạo tràng Chân Tịch ở Tây Kinh:

Thích Pháp Ngạn, họ Trương, ngụ ở Lạc Châu, Sư xuất gia từ thuở nhỏ, mà chí lớn nơi Đại Pháp. Sư thông minh chấn động âm hưởng, suốt trùm hạng thường luân. Tuy ba Tạng Sư đều thông mà riêng lấy Đại Luận (Luận Đại Trí Độ) bày sự tốt lành. Đi qua các pháp hội, chẳng ai dám mở lời chống kháng. Nên từ các nước Tề, Bắc Chu cho đến Tùy, ở các kinh đô đều sợ, đều sợ sức thần sáng của Sư chẳng ai bằng. Cho nên được chỗ đặt lời của Sư thì khách chủ điều tốt, khiến Diệu Nghĩa tinh thuần đến nỗi mở lời thì trở thành truyền trao Diệu Chỉ.

Tề Công Cao Dĩnh hỏi Đạo ở phương xa, biết tiếng tầm Sư chứa nhóm nên thỉnh Sư đến Kinh ấp. Sư tuy là trí sáng trùm khắp ở đương thời, mà nhún nhường hình ở Danh sắc. Cao Dĩnh vì mới nên cậ tình có

sự lẫn lộn. Sư vâng phụng mà kính trọng, chẳng vì nhìn nhau qua tuổi tác. do đó mà các hàng thức giả càng mến và trân trọng Sư. có Pháp sư Uyên là bậc cao sáng chánh pháp, mọi người đều suy trọng. Pháp Sư Uyên nói với Sư Pháp Khản rằng: “Trời đất tuy bao la mà hạng người thức đạt thì ít có. Bậc tài giỏi học muộn, chỉ có một người, đó là Pháp Ngạn. Có thể cùng ông ấy luận lý, ngoài ra thì v.v... theo kia mà giữ lấy sự tỏ ngộ.” đến lúc Ngài Pháp Khản đến kinh đô cùng gặp Sư mới biết sự soi xét sâu xa của Pháp sư Uyên.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc đặt cứ Sư làm Đại Luận Chứng Chủ, trụ chùa Chân Tịch, mở mang hoàng hóa. Đến khoảng niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu, Vua Văn Đế lại ban sắc thỉnh Sư rước xá-lợi đến Nhữ Châu. Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, lại ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Thiện Ứng ở Nghi Châu. Đào bới dưới nền sâu khoảng một trượng thấy có được cát vàng, đãi lọc thành cát thuần có được hai thăng, sáng rõ loá mắt, lại cảm có Ngưu hoàng (Trâu vàng) tự đến trước tháp, gập đầu gối chân trước vái hai vái rồi dừng, xoay mình lễ bái cảnh tượng Vua Văn Đế một vái. Đến lúc vào hộp đá, có cả ba ngàn người đều thấy mây trời năm màu dài hơn mười trượng, rộng ba bốn trượng, vây nhiều bốn phía, mây trắng hình trạng như lưới dệt, từ ngay dưới nền lên thẳng giữa hư không từ giờ Ngọ đến giờ Mùi mới tan hết. Sau khi tan hết, lại ban tỏa mây năm màu từ bốn phương cuộn lại, tượng trạng đồng như điềm trước lại cảm có chim Hạc màu đen có năm đầu từ phía Tây bắc bay đến liệng vòng quanh trên tháp bốn vòng, bay đi rồi bay trở lại. Lại cảm có chim Hạc màu trắng ở trên bồi hồi giây lâu mới chết. Lại cảm có Rắn năm màu đến cuộn vòng quanh ngoài hộp, dài khoảng ba thước. Đầu hướng về Xá-lợi, không hề khiếp sợ, như vậy đến mấy lượt. Thứ Sử Trịnh Thiện Quả dâng Biểu tấu trình rằng: “Thần nghe kính trời nuôi dưỡng vật thì cảnh tượng trời hiển bày khả năng đó. Thuận theo đất dưỡng nuôi Dân thì đất vốn biểu dương đức hạnh ấy. Do đó, Đào Đường Chỉ trị thân chẳng biếng lười, khí ấy bày điềm lành. Đất nước Hạ Hậu thành công. Huyền Khuê cáo tích, mới biết việc trời người ảnh hưởng như thần. Cúi mong bệ hạ nắm giữ Cơ Đồ từ nhượng, thọ mạng Quân lâm. Khắp Vũ trụ không một mảy trần. Thanh giáo hết một ngậm mở ánh sáng Đại từ thương xót vô biên. Trời Phật ban soi, giáng điềm tốt lành ấy. Nền tháp khắp sáu nơi đều có được cát lạ sáng rõ lấp lánh đồng như vàng báu. Trâu vì lễ bái, xưa nay chưa từng có, mây bủa năm màu mới thấy ở ngày nay. Lại cảm thân

rắn nhiều mầu cuộn quanh nền tháp. Chim Hạc vút bay trắng đen bồi hồi giữa hư không. Tuy Hiên Hoàng có Cảnh điềm lành nhưng không truyền ở cực chương. Hán Đế Điềm vui hiện bày nhưng chẳng ghi ở giản sách. Tự chẳng có đức làm hưng long Tam Bảo, Đạo trùm cả trăm Vua thì đâu thể cảm điềm tốt lành như thế, khiến bày điềm linh Dị!” Vua Văn Đế rất vui mừng, ghi vào Biệt Ký.

Sư truyền Đạo nghiệp Chân tịch, Tăng tục tiếp thừa âm hưởng. Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh vâng phụng giới pháp, cả nhà đều giữ đức tin, đến nay không khuynh đảo, đều do sự khai bày cứu giúp củ Sư! Niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ hơn sáu mươi tuổi.

10- Truyện ngài Thích Pháp Tổng trụ tại Đạo tràng Hải Giác ở Tây Kinh:

Thích Pháp Tổng, họ Đoàn, người ở xứ Thái Nguyên thuộc Tỉnh Châu. Thuở thiếu thời, Sư chuyên tụng Kinh Niết-bàn, đã thông toàn bộ, mục đích là lời văn chưa vội nghe qua. Suốt trong thời gian hơn mười năm đầu không hề phế bỏ. Sau, nghe Huyền nghĩa, Sư liền truyền giảng. Trước sau hai năm, lãnh ngộ chẳng phải một người, mà Sư khoan dung thuần hậu, nhún thuận, được chúng sinh quy hướng kính ngưỡng.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư làm Niết-bàn chúng chủ, trụ tại chùa Hải Giác. Nhóm họp bốn phương, thường khai giảng chí lý, không kể nóng lạnh. Đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Trí Môn ở Tùy Châu. Đào bới dưới nền sâu ba thước, có được một con rùa thần, mầu vàng lục, tướng trạng như gấm thêu nhiều mầu. Trên đầu có tám chữ “Thượng Đại Vương Bát Vạn Thất Thiên Niên”. Dưới bụng lại có hai chữ “Vương Hưng”. Bò đi chậm chạp, đều không ăn uống gì. Và chỗ Xá-lợi, do bảo người sửa đường, cây liễu bên cạnh cầu lại mưa Cam Lô, tướng trạng như mưa tuôn, mùi thơm ngọt nồng đượm, mọi người cùng uống. Sư bèn viết Biểu Văn tấu trình, Vua Văn Đế kính trọng đến yết kiến điềm linh tốt lành, thường đặt con Rùa đó ở chỗ tòa vua, cho các Thần hạ trông xem. Trải qua thời gian năm tháng, vua đi đến Bắc uyển bèn thả Rùa xuống Thanh trì (ao trong). Tuy chìm nổi bơi lội thời gian ngắn, Rùa vẫn bò đi quanh ao, theo bên cạnh vua, trước sau chẳng phải một lần. Quan bồi vệ tùy tùng đều trông thấy, cùng mừng vui điềm cảm ứng đó.

Đến mùa Xuân niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua

Văn Đế lại ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Hạ sinh ở Liêu Châu. Các hạt phát ra ánh sáng, tướng ấy rất nhiều. Hộp Đá biến thành vân lụa và tượng Đồng tử. Mặt phía Bắc hộp hiện ra song thọ, phía dưới có Phật nằm. Mặt phía nam hộp hiện tướng thần Kim cương cầm chày phỏng theo tướng của núi. Mặt phía Đông hộp hiện tướng hai Đức Phật đều đứng và một con kỳ lân. Mặt phía Tây hộp lại hiện tướng một vị Bồ-tát và một Thần ni khum mình chấp tay hướng về Bồ-tát. Lại có các tướng khác, ở đây lược qua chẳng kể hết. Lại phát ra ánh sáng rực rỡ rồi loạn sinh khởi, nhiều động loé cả mắt người từ tối đến sáng. Các ngọn đèn tuy tắt hết mà ánh sáng vẫn tiếp tục soi chiếu chẳng khác gì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Đêm đó, trời mưa râm. Từ mỏ Điều hầu nơi Phật Đường phát ra luồng ánh sáng màu vàng bay về hướng Đông Nam hơn ba trăm Bộ. Người ngoài cho đó là lửa, bèn chạy đến thì biết là không phải. Tìm theo chỗ phát ra ánh sáng, mới biết là nơi tôn trí Xá-lợi trong nhà. Mọi người đồng trông thấy và đều phát đại Đạo tâm. Đến ngày mồng tám, lúc sắp hạ, có mây năm màu che phủ trên tháp. Lại cảm có con chim lạ, thân hình màu trắng, đuôi màu đỏ, mỏ ngậm áng mây, tướng trạng như lọng hoa, cũng hiện phía trên tháp. Điềm cảm ứng ấy, có hơn năm muôn người trông thấy cùng một lúc. Đến lúc lấp lại xong, mây và chim mới biến mất. Qua ngày mồng chín tháng bốn, trên nền Tháp tỏa ra ánh sáng, chia thành năm luồng đi thẳng về hướng Tây, hình sắc như họa vẽ kéo dài mấy trăm dặm, mọi người đều trông thấy chứ chẳng phải một. Sư đích thân cảm điềm lành đó, mừng vui phấn phát nội tâm, viết lại đầy đủ và tấu trình. Vua Văn Đế ban sắc cất vào Bí Các.

Sau, nhân theo hạnh nghiệp cũ, Sư giảng tụng chẳng hề nhọc mệt. Đến khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Hải Giác, thọ bảy mươi tuổi. Môn nhân, Đệ tử Sư có Hạnh Đăng, Huyền Hội kế thừa tiếp tục nổi tiếng. Việc này thấy ở Biệt truyện.

11- Truyện ngài Thích Tăng Đàm trụ tại Đạo tràng Đại Hùng Thiện ở Tây Kinh:

Thích Tăng Đàm, họ Trương, người ở xứ Lạc Châu. Sư xuất gia từ thưở thiếu thời, thông hiểu các kinh luận. Sư bùi ngùi Phật Pháp chưa đầy đủ, bèn phát phần mà tìm cầu thọ học. Cuối thời Cao Tề, Sư kết bạn cùng đi Tây Vực. Vừa tới trước Thông lãnh, đường đi nhiều trở ngại chẳng thông, bèn trở lại kinh liễn. Phạm ngôn âm chữ đều thông cổ huấn.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư phiên dịch kinh điển. Sự việc như ở Biệt truyện. Sư ở tại chùa Đại Hưng Thiện. Sau, vua ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu, tức là chùa Cổ Vân Cư. Núi tên là “Trung Triều”, phía Tây đến ven sông. Ở đời gọi cảnh đẹp không đâu hơn ở đó. Ban đầu, mới rước đến Châu Trì, mà trong điện Phật chùa Thê Nghiêm âm vang tiếng chuông trống chấn động cả một chùa. Có người vội đến xét xem đều không thấy gì. Khi linh kiệu đưa đến chùa. Đem đồ trên đánh thập phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp trong nhà, sáng suốt không che lấp. Trước sau nhiều lần phát ra ánh sáng thần như thế. Hoặc dường như lò hương nung giữa hư không mà lên, hoặc lửa tím bay như hoa như lá, chợt tan chợt tụ, hoặc như tượng Phật tỏa ra ánh sáng, hoặc như hơi khí cầu vồng vây nhiều quanh tháp, trải suốt nhiều ngày liền đêm ánh sáng chiếu diệu khó xác định. Lại nữa, chư tăng trụ chùa Nhân Thọ ở Châu Trì ban đêm trông thấy ở chùa Thê Nghiêm có ánh sáng như cửa lầu chiếu soi khắp hang núi. Lại, cách chùa núi chừng tám mươi dặm, người đứng trông thấy ánh sáng như lửa, đều cho là lửa đồng trống thiêu đốt chùa. Tới lúc đến tìm mới biết là linh tượng. Sự cảm ứng điềm lành như thế.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc đặt cử Sư đến xây dựng tháp báu tại chùa Trí Độ ở Ân Châu. Ban đầu, mới đến Châu Trì, thấy tôn tượng Phật duỗi tay ngồi trang nghiêm trong bình, đến lúc tôn trí vào hộp vẫn như thường không đổi khác. Lại nữa, giữa đất tự sinh ra vân lưới, phía trên nhà thấy có hoa sen xanh và tôn tượng Bồ-tát. Đại chúng đều trông thấy. Lại thấy hình tượng Rồng cuộn rấn quật, vết chân người lớn, vết chân các loại Bò ngựa chim thú, v.v... Lại, tại chỗ đặt tháp báu có hai con rắn nhỏ nằm ở đó chẳng đi. Nhân đó xây dựng nền móng, đào sâu xuống đất khoảng bốn mét tự nhiên có dòng nước suối vọt lên. Có người bị bệnh sáu căn đều không còn tác dụng, uống nước suối ấy thì lành hẳn. Đã gặp phải duyên đó, mới dời về hương Bắc để tránh khỏi dòng suối ấy. Nên hai con Rắn ở đó là rất có nguyên do. Sư chuyên việc Truyền dịch rất tốt đẹp, tiếp nối đến lúc thị tịch tại chùa. Lúc đó nhằm đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Tuệ Trọng, họ Quách, người ở xứ Ung Châu. Ngài luyện Đạo từ thưở thiếu thời, tìm suốt giáo điển nội ngoại. Chí lực Sư ngay thẳng cứng cỏi, không sợ uy quyền, là cửa ngõ của Nhiếp Luận, Thập Địa. Do mở sắc ban thỉnh Sư xây dựng tháp tại chùa

Đại Nhạc ở Tần Châu, ban đầu dừng tại Cung Quán, bình vàng Xá-lợi tự nhiên mở, hiện phát ra ánh sáng lan tỏa ra ngoài, kể tăng người tục đều trông thấy. Khi đưa đến tháp chùa, sắp tôn trí vào hộp đá, lại phát ra ánh sáng rực rỡ làm lóa cả mắt người. Phía ngoài núi có ba áng mây trắng bủa xuống thẳng hướng đến nền tháp, hồi lâu mới tan hết. Lại nữa, cửa miếu Nhạc Thần (thần núi) từ trước đến nay thường luôn đóng kín. Khi rước Xá-lợi đến thì có ba lần tự mở. Các hàng thức giả cho đó là thần đến kính lễ nên như vậy. Về sau, không biết Sư tịch ở đâu?

12- Truyện ngài Thích Đàm Xán trụ tại Đạo tràng Đại Thiên Định ở Tây Kinh:

Thích Đàm Xán, người xứ Hoài Châu, là Môn nhân của ngài Tuệ Viễn. Bẩm tánh Sư thuần hậu ngay thẳng, khoan dung dịu dàng nổi tiếng. Ngài vân du cầu học ở Tương Nghiệp, nghiên tầm chứa nhóm chánh lý, thấu suốt sâu xa các Kinh Thập Địa, Niết-bàn. Khi đã hoàn bị kinh pháp để giảng trao, Sư bèn theo thầy vào Quan. Sư là một trong số mười vị, dừng trụ tại chùa Đại Hưng Thiện. Về sau, ngài Tuệ Viễn thị tịch, các tăng lữ không nơi nương tựa. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc bổ nhiệm Sư làm chúng chủ. Sư đến chùa Tịnh Ảnh truyền giảng, mở mang nghiệp cũ, qua thời gian nhiều năm. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, đang trên cao trào xây dựng tháp báu. Vua Văn Đế lại ban sắc đặt cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Trường thọ ở Hoài Châu. Ban đầu, mới dựng tháp sắp hạ, bỗng có một con Trĩ trống đi đến trước hộp, vừa bay vừa dừng, không tỏ vẻ kinh sợ. Sư truyền cho Tam quy, nó bèn đến gần người thuần đi nhiều quanh như muốn nghe thọ, xoay đầu cổ vũ vui mừng nhảy nhót vui vẻ. Khám xét hình chất thật chẳng phải trĩ, thân có đủ năm mầu, lông cánh ít có ở đời. Sư bèn dâng trạng văn tấu trình, Vua Văn Đế ban sắc khám xét Thụy Đồ, bảo là sắc thái như chim loan. Sư bảo chư Tăng trong chùa bắt nó đưa đến thả ở phía Bắc núi. Chim tụ thành đàn kêu hót bay đi. Lại cảm Dị tích, hơn ba mươi bộ thẳng lại chỗ tháp không thấy vết tích gì. Đến ngày mồng tám tháng tư, sắp tôn trí Xá-lợi vào hộp đá, lại phát ra ánh sáng xoay quanh chìm ẩn, kể tăng người tục hơn hử không ai chẳng phát tâm

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Cảnh Tịnh trong hang Cổ Hiền ở Đàm Châu để xây dựng tháp báu phụng thờ, đó là vùng đất sống của ngài Tuệ Viễn. Ban đầu mới đến Châu Trị, trong thời gian nửa tháng,

có mười tám điểm lành trước sau đắp đổi nhau khởi hiện, như ánh sáng của sao soi nhiều quanh, hoặc như hơi khí màu đỏ, mây màu ngọc bích, rắng màu tím, sương mốc màu trắng ban trải trên hư không. Ánh đuốc soi chiếu khắp thành đô và ánh ngời cả chợ búa. Có đến mấy muôn kẻ tăng người tục cùng một lúc trông thấy. Khi rước đến chỗ nền tháp lại phát ra ánh sáng như sao lớn nhỏ đan xen số nhiều chẳng thể lường biết. Lại có các tướng khác, đầy đủ như ở Biệt truyện.

Về sau, Sư trụ ở chùa Đại Thiên Định, vẫn tiếp tục sự nghiệp Hoàng truyền như cũ. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tuổi.

13- Truyện ngài Thích Pháp Tán trụ tại Đạo tràng Thắng Quang ở Tây Kinh:

Thích Pháp Tán, người ở xứ Tề Châu. Ngài an tâm tịch định ưa thích ở nơi núi hang. Đầu-đà khổ hạnh là pháp mà Sư luôn ôm giữ, Sư ở ẩn tại gò của Thái Nhạc. Sư mở dạy hàng sơ cơ, dạy răn tiếp nối, khéo biết phương tiện. Sư còn thấu đạt hiểu rõ Đế nghĩa, bấy giờ đang dương cao Thanh luận, khiến cho có pháp bị lấp mất. Sư ngồi không nghỉ giảng, đợi đời đến Chi Tiểu sẽ hưng khởi lại. Ban đầu, Sư nghe thế, rất tự tử thẹn, bảo rằng: “Hỏi không tha thiết, và chẳng muốn làm khổ người”. Nghĩa là nói kẻ kia hiểu lời gì mà khiến cho phải chết. Nhân đó, Sư bèn ngậm miệng, chẳng việc ngôn luận, đóng bế mọi sự tham yết, tìm cầu nhàn tịch để vui mà thôi.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) chiêu vời các bậc danh đức ở các nơi. Có người bày thuật sự thanh thần nhàn khoáng của Sư. Vua bèn ban sắc thỉnh mời. Sư cùng Vua về đến Kinh ấp ở chùa Thắng Quang, trang nghiêm các hàng thiền lữ chen chúc cả môn đình. Sư dùng thân làm khuôn phép cho đời lại thấy ở ngày nay.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, dựng xây tháp báu, Vua Văn Đế ban sắc cử Sư rước đưa Xá-lợi đến chùa Thần Thông ở Thái sơn thuộc Tề Châu. Tức nơi do Chúa Nam Yên là Mộ Dung Đức vì Thiên sư Tăng Lãng mà xây dựng. Việc này thấy ở truyện trước. Yên chúa đem sự chu cấp Dân của ba huyện cung cấp cho ngài Tăng Lãng, đều để xây dựng chùa, các Viện trên dưới có hơn mười cơ sở, lớn dài có hơn một ngàn gian. Qua ba lần phế bỏ Phật giáo, mọi người không dám phá bỏ. Nếu có người muốn xâm phạm. Ngài Tăng Lãng liền hiện hình cầm tích trượng mà đánh, khiến bệnh tật khốn đốn sắp chết, nếu

cầu sám hối ăn năn lỗi lầm thì trở lại lành mạnh như trước. Ở đó có cái giếng sâu năm thước, từ trước đến nay không hề khô cạn, nếu có người nữ đến đó thì liền khô cạn. Đốt hương lễ sám, cầu nguyện thì trở lại như cũ. Từ lúc xây dựng chùa đến nay đã hơn bốn trăm năm. Pho tượng Phật đẹp sáng màu sắc như mới tạo, các giống chim chằng dẫm chân vào, đến nay vẫn nghiêm nhiên. Xưa kia, gọi đó là chùa Lăng Công, vì cảm ứng những điều linh dị trước mắt như thế, khắp trong nước đều tôn sùng, nên vào niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Vua Văn Đế có mấy lần cảm ứng nên sửa đổi tên là chùa Thần Thông. Ban đầu, Sư mới đến, trong chùa bèn phát ra ánh sáng lúc đỏ lúc trắng, lúc trầm lúc bổng, hoặc như sao xẹt, mọi người đều trông thấy, giếng nước tuôn tràn, mức lấy mà dùng. Sau hạ, lại chiêu cảm đàn nai tự nhiên đến chỗ tháp. Tuy mọi người xoá đi, chúng vẫn thản nhiên không sợ. Lại chiêu cảm có một cặp ngỗng từ ngày mồng ba tháng tư đến suốt ngày mồng tám thường đến trước kiệu đứng nghe phúng tụng. Đến lúc lấp bít xong, nó bật dứt dấu vết chẳng đến nữa. Những điều cảm ứng như thế rất ít nghe thấy từ xưa đến nay, nên Sư thuật lại đây đủ để tấu trình.

Về sau, Sư dùng pháp thiền định để dẫn dắt, tuyên dương Pháp hóa ở đời, lời không nghiêm thiết mà thâm hợp với hoài bảo. Sư thị tịch tại chùa Sư ở.

14- Truyện ngài Thích Bảo Nho trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh:

Thích Bảo Nho, người ở xứ U Châu. Xuất gia từ thuở nhỏ, Sư vân du khắp các Pháp tịch, không nơi ở nhất định, chỉ lấy Đạo làm mục đích. Sau, Sư đến Nghiệp Hạ, nương tựa ngài Tuệ Viễn. Với lời huyền diệu của Kinh Thập Địa, Sư rất rõ biết cương lĩnh. Gặp lúc Vua Văn Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá hủy Phật giáo, ngài theo hướng Nam đi đến đất nhà Trần, thấu đạt mạng Thanh thông, chóng vang vọng tiếng tăm. Từ khi nhà Tùy lên ngôi chế định thiên hạ, Văn quỹ đại đồng, Sư bèn trở về Lạc Nhướ, lại đến chỗ ngài Tuệ Viễn, nghe học Kinh Đại Niết-bàn, trước sau suốt ba năm, thông suốt yếu chỉ, bèn được đáp thuật. Ngài Tuệ Viễn ngồi ngay pháp tòa ấn khả lời đó, những người hâm mộ nghĩa lý cùng theo. Sư lại đến trụ chùa Tịnh Ảnh, Tuệ tâm càng lan tỏa. Xa tính trước anh tài, trong thời gian lập phá, sâu xét lại càng kín mầu.

Trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu ở Đặng Châu. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư đến trụ chùa

Đại Hưng Quốc. Xưa, tại nền Long Tiễn, vua đã đến tìm đá mà hỏi thăm không có được loại tốt, Sư bèn dùng đá phác ở trong chùa, giữa gọt làm thành hột đá vốn thô xấu, nhưng khi mài gọt sắp xong thì biến thành mã não, nhỏ mịn khác thường, lại có ba chữ Lệ đề rằng: “Chánh Quốc đắc” hình lập bày ngay thẳng, khéo léo thuộc loại Thần Công, các hàng danh bút chưa dám điểm thêm, lại thấy các thứ hình tượng cây rừng, lân phụng, v...v Sư bèn cùng Quan nhân thuật lại đầy đủ để tấu trình.

Sau khi trở về chùa, Sư bèn đóng cửa tu nghiệp, nhân đó, mỗi lúc thọ trai mới được trông thấy mặt Sư, sau đó không lâu, Sư thị tịch tại chùa Tịnh Ảnh.

15- Truyện ngài Thích Tuệ Tối trụ tại Đạo tràng Quang Minh ở Tây Kinh:

Thích Tuệ Tối, người ở xứ Doanh Châu. Ban đầu, Sư nghe giảng Kinh Niết-bàn rồi đến học ở Nghiệp Hạ. Sư hễ nghe liền giảng, chưa từng hết biển kinh, bàn luận bao gồm nên rất thư thả nhàn khoáng, nên được các bậc Hiền giả đồng Pháp tịch tán dương kính ngưỡng.

Ngày nhà Bắc Chu phá diệt nhà Tề, Sư theo hướng Nam đi đến Giang Biểu, lại chuyên tập học tuệ môn rất thông rành các bộ luận. Và lại, chư tăng phương Bắc ở đời Trần phần nhiều trái với thời tục, chỉ riêng mình Sư vận dụng cơ quyền nội động, chẳng rơi vào Phong lưu, phần nhiều vì phương Nam mà chu toàn keo sơn. Đến lúc nhà Tùy chế định thiên hạ, khắp Trung Nguyên thái bình. Sư bèn quán xét sự hoàng hóa, mở mang dẫn dụ, tham dự nghe điều khác lạ. Sau đó, Sư trụ chùa Quang Minh. Bảy giờ, Ngài dẫn truyền thanh nhã mà khéo ở chỗ tĩnh lặng, không phải người hiền thì chẳng kết bạn. Thần chí Sư rộng nêu, khí điều cao xa. Chẳng vọng nhận chịu nhục, ắt không có vết lụy. Sư lập chỉ đại loại như vậy.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến đạo tràng Long Tiễn, chùa Đại Hưng Quốc ở kinh châu. Xưa kia, khi vua Văn Đế đang làm tướng, nhân đi qua chùa đó gặp một vị Sa-môn bèn kết nạp với nhau rất sâu. Bảy giờ, rất được quý trọng, chẳng suy lường lời nói. Sau khi vua lên ngôi, nghĩ nhớ yếu chỉ xưa cũ., bèn ban chiếu thỉnh mời, nhưng vị Sa-môn đó đã thị tịch. Vua bèn ban sắc xây dựng ngôi chùa mà vị Sa-môn đó ở, sửa sang phòng viện cũ nên có mỹ hiệu là “Hưng Quốc Long Tiễn”. Và đó đều xuất xứ từ Luân ngôn, ý riêng của Vua Văn Đế. Lại nữa, hành lang mặt trước của đạo tràng tự nhiên bị sụp đổ. Chư tăng muốn sửa sang lại,

sự việc chưa xong thì Xá-lợi đã được rước đến. Sắp an trí nền tháp, tuân hành bày rộng, chỉ có chỗ bị hư sụp đó là vừa độ rộng hẹp hợp với hình tháp. Có bậc thức giả nói rằng: “Định phá hủy hàng hiên ấy để đợi đặt tháp.” Đến ngày mồng tám tháng tư, tại Nội Viện Xá-lợi bỗng nhiên có sương móc giăng. Sau khi thọ trai xong thì tan hết, ánh sáng mặt trời soi chiếu, có mây như lọng giữa khoảng không phía trên tháp. Lại chiêu cảm các giống chim Le, chim Hạc bay liệng xung quanh phía trên tháp. Lại thấy giữa vầng mây có màu tím hình trạng giống như đóa hoa. Lại hoa trời rải như mưa, giống như tuyết lẫn lộn xuống, nhưng không với tới đất.

Sau, Sư lại rước xá-lợi đến chùa phát mông ở Cát Châu. Đào đất sâu đến tám thước, có được một bản Dự chương, sáu viên gạch cổ, hai cái bình bằng bạc, một viên Xá-lợi nổi trên nước trôi theo chiều bên phải. Lại có được một vật báu, hình thể gồm có chín sắc thái. Mọi người đều không biết đó là gì. Bèn viết lại đầy đủ để tấu trình. Tại chùa đó có 1 pho tượng Phật với điềm tốt lành khác lạ. Vào niên hiệu Đại Minh thứ năm (461) thời Tiền Tống, trong chùa có Sa Môn Pháp Quân mộng thấy tôn dung màu vàng ít có ở đời, có tiếng Phạm âm trong xa, nhân đó mà đi đến sông Tam Khúc, thấy tượng lẳng sâu dưới đầm, ánh sáng tỏa trên mặt nước. Ngài Pháp Quân cùng Thái Thú Chu Trạm v.v... bèn vớt lên, tính trọng lượng hơn ngàn cân mà nhẹ như vài lượng. Pho tượng thân cao sáu thước bốn tấc, được đúc bằng đồng mạ vàng. Sau, Quận Trường Sa rước Quang phu đến kinh đô. Vua Văn Đế ban sắc bảo rước trở lại tôn trí chỗ tượng, tự nhiên phù hợp. Cao tất cả hơn chín thước. Y Phật rũ dài xuống, có ghi hơn mười chữ Phạm, ban đầu mọi người không nhận biết. Sau, có vị Sa-môn người Tây Vực bảo là “Tôn tượng ấy do con gái thứ bốn của Vua A-dục ở nước Ca-du-la-vệ đúc tạo, bỗng nhiên bị mất, nay lại thấy ở đây!” Cuối niên hiệu Thiên giám (520) thời Nam Lương, pho tượng thường phát ra ánh sáng chiếu soi khắp cả phòng nhà. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) sắp rước vào Kinh Đô, nhân có duyên sự bèn thôi. Đến niên hiệu Đại Đồng thứ bảy (541) thời Nam Lương, thân tượng Phật tự nhiên đổ mồ hôi. Năm đó, Lưu Kính Tuyên làm giặc thiêu đốt quận, chùa đều cháy hết, chỉ có Phật Đường lửa không bén tới. Đến niên hiệu Đại Đồng thứ mười (544) thời Nam Lương. Tôn tượng lại đổ mồ hôi, Tướng Đông Vương mới nghênh thỉnh đến Giang Lăng để cầu phước, tôn Tượng phát ra ánh sáng. Đến niên hiệu Đại Đồng thứ mười hai (546) thời Nam Lương, đón rước tôn tượng trở lại chùa Phát Mông. Khi đến chùa, Tôn tượng phát ra ánh sáng suốt ba ngày mới thôi hết.

Đến niên hiệu Thiên gia thứ sáu (555) đời Trần, lại sửa sang nghiêm sức tôn Tượng, nên ở đời tương truyền các linh dị ấy, chồn chồn đều mô phỏng viết chép. Sư đỉnh thân phụng thờ, cầu mong ánh sáng đó, mà cốt khí hùng dũng, thật là tướng của đức Điều ngự. Do đời nay xem thường nên thế. Sau Sư thị tịch tại chùa Sư ở.

16- Truyện ngài Thích Tăng Lãng trụ tại Đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh:

Thích Tăng Lãng, người ở xứ Hằng Châu, xuất gia từ thuở nhỏ, kính mong được Chánh hoá. Sư nương theo Thính chúng. Sau đó, dịch phiên Đại Luận cho đến Tạp Tâm, đàm xướng nối nhau, mọi người quy hướng cầu học rất đông. Sư vào quan, trụ tại chùa Không quán, lại mở rộng giảng tịch, tùy lợi ích chúng sinh, lòng thường luôn nhân thứ, nói cười ôn hòa thanh nhã. Mọi người cùng trong pháp tịch không một ai phiên muộn tâm thần. Sư thấy biết rộng rãi, mọi người đều suy tôn kính chuộng. Bấy giờ có người hỏi điều khác lạ chẳng phải là điều Sư đọc xem, bèn chấp tay đáp rằng: “Tăng Lãng tôi sở học chưa thông, hiểu chỉ tới đây!” Nên các bậc Đại đức tiếng tăm tài giỏi đều ngợi khen sự biết phận mình của Sư, không ai dám khinh thường hạnh cao ấy.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến Phiên Châu. Nay gọi đó là Chùa Quả Thật ở núi Linh Thứu thuộc Quảng Châu. Ban đầu mới đến châu Trị, đi quanh các nơi, đến chùa Quả Thật, bèn có thể tôn trí. Phía Tây chùa đối diện núi Thủy Chấm. Dưới lùm cây hoang rậm rạp, đào sâu xuống sáu thước có được ba hộp đá. Trong hai hộp mỗi hộp đều có hộp đồng, đựng hai tượng bạc và hai vị Tiên bằng bạc. Còn lại một hộp, bên trong có bình bằng vàng bạc, lớn nhỏ cùng đây, bên trong không có Xá-lợi. Có bài minh viết rằng: “Niên hiệu Nguyên Gia thứ nhất (424) thời Tiền Tống, xây dựng tháp”. Lại nữa, trong văn bia cũ trong chùa viết rằng: “Niên hiệu Nguyên Gia thứ nhất (424) thời Tiền Tống, có Sa-môn Tăng Luật người xứ Thiên-trúc thường đi đến nơi này nghe tiếng chuông khánh, hoa trời rải đầy núi, nhân đó mà xây dựng già lam. Sau đó có vị tăng người Ấn-độ tên là Cầu-Na-Bạt-Ma đến trụ ở chùa này, có nói rằng: “Núi này trong tương lai sẽ gặp được Bồ-tát Thánh chúa xây dựng tháp báu.” Bèn hợp với bài minh đó. Nay Sư xét xem thế núi, chỉ ở chỗ đó là có thể thiết đặt, ngầm hợp với lời xưa, lưỡng xét chẳng phải luống làm. Khi sự việc hoàn thành, Sư trở lại kinh đô, ở chùa Thiên Định, lấy việc giảng tụng làm chính.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ hơn bảy mươi tuổi.

17- Truyện ngài Thích Tuệ Sướng trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh:

Thích Tuệ Sướng, họ Hứa, người ở xứ Lai Châu. Sư riêng học Tạp Tâm, chí ở nơi Danh thật, bị ràng buộc vướng mắc nơi Cương giới, hạn cục bởi Văn Nghĩa. Ban đầu Sư không tin giáo điển Đại thừa. Sau, nghe Tuệ Viễn có tiếng tăm ở Lạc Dương, người học ở xa tìm tới. Môn nhân Sơn trỉ bấy giờ gọi là Thông minh. Sư bèn nghi ngờ đó, thử đến tìm xét xem thần lược của Tuệ Viễn. Mới thấy đàm thuật cao sâu, bao trùm hết cả đất trời, Sư nhìn lại tướng trạng Tiểu Đạo chỉ dường như bụi bay, bèn gò bó thân mình thâm phục nghe học ba năm, thành đạt thấu hiểu Kinh Niết-bàn. Sư mới bùi ngùi tự trách là tổ ngộ muộn màng! Sư lại đến Kinh Ấp, trụ tại chùa Tịnh Ảnh, đào luyện tự duy kinh trước, bắt chước thành nghiệp.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Cự Thần trên núi. Vua vì núi ấy xuất ra bạc mầu vàng, riêng ban sắc xây dựng tháp để trấn giữ, dùng để báo đáp ân tuệ. Núi nằm phía Đông cách châu khoảng năm dặm. Xưa kia, Thỉ Hoàng (Doanh Chính 246-209 trước Tây lịch) đời Tần lấy đá làm cầu, núi ấy chống cự chẳng chịu đi, nhân đó nên đặt tên như vậy. Phía Nam của núi cách khoảng bốn dặm có hang Bạc mầu vàng. Ngay chỗ nền tháp gọi là Ôn Công Phụ. Tương truyền rằng: “Xưa trước vào đầu đời Vua Võ Đế (Tiêu Diên 502-550) thời Nam Lương, có Sa-môn Tăng Ôn, ngoài bảy mươi tuổi. Đạo hạnh của Sư khó lường biết được, chỉ chuyên việc du hóa, có thọ nhận sự cúng dường của Vua Võ Đế suốt mười hai năm. Về sau, Sư già từ đi về hướng Bắc, Sư đi đến bến đò ấy, xây dựng chùa Viện, nhân lấy tên núi mà đặt hiệu, nhưng các loài cọp sói, chim thú đi vòng quanh chùa kêu rống dường như muốn làm cho Sư sợ hãi. Sư bước ra cửa bảo rằng: “Các người là loài súc sinh do mười nghiệp xấu ác mà cảm vờ ra, ta thuộc đường Nhân Đạo bởi mười nghiệp lành mà chiêu cảm được. tội Phước cách nhau như trời vực, sao lại khổ nhọc muốn can phạm tới ta? Các người nên mau đi đi!” Nghe Sư bảo như thế, các loài chim thú dứt bật dấu vết ở núi ấy. Sư thân cao bảy thước, oai dung khiến người khiếp sợ, lông mày dài hơn cả thước, phủ che kín mặt, mỗi lúc muốn nhìn vật gì thì đưa tay vén lên. Nên mãi đến nay, chùa tuy có bảng hiệu nhưng

trong đời vẫn xưng gọi đó là chùa “Ôn Công Phụ”.

Sau khi tôn trí tháp báu Xá-lợi hoàn tất, Sư trở về chùa kinh, chuyên tu tập đạo nghiệp trước, trọn đời chẳng ra. Mời thỉnh chúc mừng, điều vãi cũng không hề đi. Sư dự biết được lúc mạng chung, bèn tắm gội trong sạch, an nhiên ngồi thẳng mà đợi giây phút cuối đời. Đến lúc Sư thị tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 10 hết).